

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”; Kế hoạch số 196/KH-KHVN ngày 16/6/2022 của Hội Khuyến học Việt Nam về thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy việc học tập suốt đời để con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả,... trên cơ sở hình thành mô hình “Công dân học tập” nhằm khuyến khích, tạo cơ hội công bằng, điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập, hướng tới công dân số, đáp ứng yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia và góp phần xây dựng thành công một xã hội học tập.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phân đầu đến năm 2025

- 100% cán bộ, hội viên Hội Khuyến học được học tập quán triệt các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập”;

- 40% người lớn trong gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập (ấp, khu phố), 60% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh đạt danh hiệu “Công dân học tập”;

- 70% những người đạt danh hiệu “Công dân học tập” đều phải có những kỹ năng số và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Chương trình chuyển đổi số quốc gia; trong đó, 60% thành thạo kỹ năng số để tự cập nhật thông tin về tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” trên môi trường số hóa.

Phân đầu đến hết năm 2025, toàn bộ các chỉ tiêu về Công dân học tập đạt mức sau đây:

Năm	Tập huấn, quán triệt tiêu chí CDHT	Tỷ lệ CDHT trong GD, ĐH, CĐ học tập	Tỷ lệ CDHT trong đơn vị học tập	Tỷ lệ công dân đạt kỹ năng số
2022	70%	25%	45%	40%
2023	80%	30%	50%	50%
2024	90%	35%	55%	60%
2025	100%	40%	60%	70%

b) Phần đầu đến năm 2030

- Tiếp tục quán triệt đến toàn thể cán bộ, hội viên Hội Khuyến học để hiểu rõ và triển khai hiệu quả các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

- 60% người lớn trong gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập (ấp, khu phố), 80% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị học tập cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

- 90% những người đạt danh hiệu “Công dân học tập” đều phải có những kỹ năng số và đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Chương trình chuyển đổi số quốc gia; trong đó, 80% thành thạo kỹ năng số để tự cập nhật thông tin về tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” trên môi trường số hóa.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Xây dựng Bộ tiêu chí khung để áp dụng cho các đối tượng khác nhau trên cơ sở Bộ tiêu chí khung của Hội Khuyến học Việt Nam, ban hành Bộ tiêu chí Công dân học tập của tỉnh phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mô hình “Công dân học tập”

a) Tổ chức tuyên truyền thông qua hệ thống báo chí, bản tin, nội san, các trang tin điện tử, trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và các địa phương.

b) Tổ chức tuyên truyền trong các cơ quan, tổ chức, các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp, lực lượng vũ trang.

c) Phát động phong trào thi đua học tập suốt đời, xây dựng mô hình “Công dân học tập” trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời, xây dựng mô hình công dân học tập

a) Ứng dụng phần mềm số hóa việc thu thập minh chứng, cho điểm, đánh giá, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện các tiêu chí xây dựng mô hình “Công dân học tập” theo các mục tiêu của kế hoạch.

b) Khai thác các trang thông tin điện tử, học liệu mở, chuyên đề giúp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nâng cao hiểu biết cho cán bộ hội, hội viên khuyến

học và người dân về các nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng các mô hình học tập, nhằm tạo sự chuyển biến về chất việc ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình và đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài.

4. Triển khai công tác tập huấn, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc xây dựng mô hình “Công dân học tập”

a) Tổ chức các hội nghị, tập huấn quán triệt Chương trình đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 và các văn bản chỉ đạo khác của Đảng và Chính phủ liên quan đến đổi mới giáo dục, đào tạo, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; tập huấn triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” cho những đối tượng trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau, phù hợp với trình độ học vấn và đặc điểm nghề nghiệp.

b) Xây dựng quy trình, tổ chức kiểm tra, đánh giá công nhận danh hiệu “Công dân học tập”: Xây dựng mẫu đánh giá, công nhận các danh hiệu; tài liệu hướng dẫn quy trình đánh giá, công nhận các danh hiệu; tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu.

c) Tổ chức Hội nghị sơ kết việc triển khai xây dựng mô hình “Công dân học tập” và Đại hội biểu dương các cá nhân xuất sắc trong phong trào thi đua, đạt danh hiệu “Công dân học tập” tiêu biểu của tỉnh vào quý III năm 2026, Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình vào quý IV năm 2030.

5. Huy động nguồn lực xã hội hóa nhằm tăng cường sự đóng góp của cộng đồng trong việc thúc đẩy phong trào học tập suốt đời, nhân rộng mô hình “Công dân học tập”, góp phần xây dựng xã hội học tập.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo phê duyệt tại Văn bản số 4573/UBND-KTNS ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh và nguồn kinh phí xã hội hóa, nguồn tài chính hợp pháp khác. Hàng năm Hội khuyến học các cấp lập dự toán kinh phí cho hoạt động của Hội, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Khuyến học tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và Phụ lục Bộ tiêu chí khung mô hình “Công dân học tập” (kèm theo kế hoạch).

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Hội Khuyến học các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai Chương trình ở địa phương.

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả việc triển khai thực hiện kế hoạch tại các địa phương; định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

d) Phối hợp các cơ quan báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền việc thực hiện chương trình, phát hiện nhân rộng các điển hình trong quá trình thực hiện.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp Hội Khuyến học tỉnh trong việc hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức xây dựng mô hình Công dân học tập;

b) Phối hợp Hội Khuyến học tỉnh kiểm tra, giám sát việc tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập”.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp Hội Khuyến học tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí địa phương và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền về mô hình công dân học tập.

4. Sở Tài chính

Tùy theo tình hình ngân sách địa phương, Sở Tài chính phối hợp Hội Khuyến học và các đơn vị có liên quan cân đối nguồn kinh phí thực hiện chương trình cho phù hợp.

5. Các sở, ngành, cơ quan trực thuộc cấp tỉnh

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và cung ứng các chương trình học tập suốt đời; tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang và người lao động trong đơn vị được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, tích cực tham gia xây dựng các mô hình học tập.

b) Tổ chức lồng ghép việc thực hiện kế hoạch với quá trình triển khai thực hiện các chương trình, đề án khác liên quan (xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, gia đình, ấp, khu phố văn hóa).

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch; chỉ đạo các phòng, ban, đoàn thể, tổ chức ở địa phương phối hợp Hội Khuyến học cùng cấp triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch trên địa bàn.

b) Chỉ đạo đài truyền thanh của địa phương xây dựng chuyên mục tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập, trong đó có tuyên truyền về mô hình “Công dân học tập”.

c) Chỉ đạo Hội khuyến học địa phương tổ chức đánh giá và thẩm định kết quả đánh giá, công nhận danh hiệu Công dân học tập của UBND cấp xã.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội tỉnh có liên quan

Phát động các cuộc vận động, phong trào thi đua về công tác khuyến học, khuyến tài; lồng ghép các tiêu chí xây dựng các mô hình Công dân học tập vào tiêu chí công nhận “Nông thôn mới”, “Đô thị văn minh”, gắn kết chặt chẽ và hiệu quả với các cuộc vận động, phong trào thi đua khác.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Hội Khuyến học tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VP, KGVX (N).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Sơn Hùng



PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch số 182 /KH-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**I. BỘ TIÊU CHÍ KHUNG VÀ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH
“CÔNG DÂN HỌC TẬP”**

Tiêu chí khung	Chỉ số đánh giá <i>(Các kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	Điểm
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Kỹ năng: tìm kiếm, tra cứu, đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết bị điện tử cá nhân.	10
	2. Kỹ năng: sắp xếp/xây dựng kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc, hoặc do nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng: sắp xếp hợp lý công việc để có thời gian tham gia các hoạt động cộng đồng, tại các cơ sở, thiết chế văn hóa, giáo dục hoặc các hội thảo, hội nghị.	10
	4. Kỹ năng: động viên, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp được học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng: sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống.	10
	6. Kỹ năng: sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận.	10
	7. Kỹ năng: tính toán để công việc luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho xã hội.	10
	8. Kỹ năng: tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ và hoạt động xã hội.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng: thiết lập mối quan hệ thân thiện với mọi người; kỹ năng giải quyết xung đột, thích ứng an toàn. Có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuân thủ pháp luật.	10
	10. Kỹ năng: hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
	Tổng điểm tối đa	100

II. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ “CÔNG DÂN HỌC TẬP” ÁP DỤNG CHO CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG THƯỜNG 3 KHU VỰC

Nhóm 1. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập (Dùng cho nông dân và lao động nông thôn)

Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)	Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)	Điểm
I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động.	10
	2. Biết xây dựng kế hoạch học tập tại trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề, để làm tốt công việc sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán và dịch vụ trên địa bàn nông thôn.	10
	3. Xây dựng và sắp xếp thời gian lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể hoặc của các tổ chức xã hội, các buổi sinh hoạt ở Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện tại địa bàn cấp xã.	10
	4. Chăm lo, giúp đỡ, động viên, khuyến khích mọi người trong gia đình và bà con hàng xóm, láng giềng học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng được điện thoại di động hoặc máy tính bảng, ipad vào công việc sản xuất, buôn bán, dịch vụ, giao dịch có hiệu quả (Thương mại điện tử).	10
	6. Tham gia học một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, làm quen, xã giao, hiểu được một số hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đối với một số mặt hàng như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia cầm - gia súc, hoặc các quy tắc an toàn trong cuộc sống.	10
	7. Biết xếp sắp hợp lý công việc để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.	10
	8. Biết tính toán, suy nghĩ, xem xét một công việc sẽ triển khai trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi quyết định thực hiện.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Thân thiện, hòa đồng với người xung quanh; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội.	10
	10. Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100

Nhóm 2. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập (Dùng cho công nhân, lao động tiêu thụ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng)

Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)	Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)	Điểm
I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động.	10
	2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình do nhà máy, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tổ chức, theo học các lớp học ngắn hạn, các khóa huấn luyện của công đoàn, đoàn thể, trung tâm dạy nghề, trung tâm ngoại ngữ - tin học.	10
	3. Sắp xếp công việc, lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động của Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, các hội nghị có nội dung liên quan đến công việc đang làm, các cuộc vận động thi đua tại cộng đồng.	10
	4. Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, phát triển nghề nghiệp, nâng cao kiến thức chuyên môn.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Sử dụng tốt máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị số để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kết nối với đồng nghiệp, với các đối tác để phát triển chuyên môn – nghiệp vụ, phát triển tay nghề.	10
	6. Biết sử dụng ngoại ngữ để giao dịch với khách hàng, mở rộng giao lưu, hiểu được những hướng dẫn cơ bản về công việc làm ăn, sử dụng thiết bị sản xuất, đọc bản hướng dẫn về kỹ thuật.	10
	7. Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác, tổ chức nơi làm việc, cải tiến kỹ thuật, nâng cao định mức lao động, tiến bộ về tay nghề.	10
	8. Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức và quản lý công việc, quản lý và bảo dưỡng công cụ, máy móc và các thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Xây dựng được mối quan hệ thiện cảm với khách hàng, với người xung quanh, không làm hàng giả, hàng kém chất lượng. Tuân thủ kỷ luật lao động. Có trách nhiệm với gia đình, cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp, tập thể người lao động và xã hội.	10
	10. Gắn kết, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp trong tập thể cơ quan, đơn vị; giúp đỡ đồng nghiệp gặp khó, tích cực xây dựng tập thể lao động tiên tiến, tôn trọng mọi người. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100

Nhóm 3. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập (Dùng cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên, doanh nhân, quản lý doanh nghiệp)

Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)	Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)	Điểm
I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời	1. Kỹ năng đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, tivi, trên mạng Internet, điện thoại thông minh.	10
	2. Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng tính toán, xếp sắp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia hoạt động văn hóa, khoa học, các hội nghị, hội thảo có nội dung cần thiết cho chuyên môn nghề nghiệp của mình.	10
	4. Kỹ năng động viên, khích lệ và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và cho đồng nghiệp học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng sử dụng máy tính, điện thoại thông minh và các thiết bị số để truy cập internet nhằm học tập thường xuyên trên mạng, trao đổi thông tin điện tử, giao lưu trực tuyến, mua bán điện tử, sử dụng các dịch vụ trực tuyến.	10
	6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và vị trí đảm nhiệm, ứng xử có văn hóa với người khác, tôn trọng nhân cách con người, thể hiện đạo đức công dân khi giao lưu trên mạng.	10
	7. Kỹ năng tính toán thu xếp công việc một cách hợp lý, lao động có khoa học, cải tiến kỹ thuật, công việc có chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp tích cực cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.	10
	8. Kỹ năng tư duy biện chứng, tư duy phân biện trong lao động, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội. Bảo vệ quyền lợi quốc gia và giữ an ninh mạng	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng tạo mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa các mâu thuẫn để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật.	10
	10. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100